

Tăng tỷ trọng

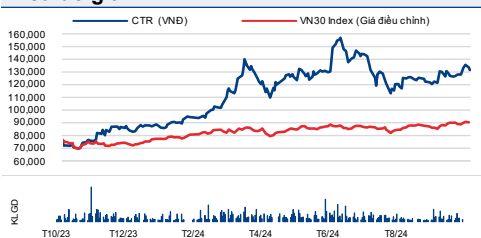
Giá mục tiêu: VNĐ145,000

Tiềm năng tăng/giảm: 10.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/10/2024)	131,500
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	68,145-156,884
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	133,567
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	15,042
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	603
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	45.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.61%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	11,299	13,389	15,507
EBITDA đc (tỷ đồng)	893	1,050	1,530
LNTT (tỷ đồng)	645	674	838
LNT ĐC (tỷ đồng)	389	407	506
FCF (tỷ đồng)	91.1	(1,305)	(631)
EPS ĐC (đồng)	3,401	3,558	4,425
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200
BVPS (đồng)	17,404	19,961	23,186
T.trưởng EBITDA (%)	15.4	17.6	45.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(0.29)	4.61	24.4
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	7.84	9.86
Tỷ suất LNTT (%)	5.71	5.03	5.40
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.57	4.03	4.32
Tỷ lệ LN trả CT (%)	80.0	28.1	27.1
Nợ thuần/VCSH (%)	71.2	130	146
ROAE (%)	28.5	25.2	27.2
ROACE (%)	29.5	25.7	25.0
EV/doanh thu (lần)	1.31	1.23	1.12
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.6	15.6	11.4
P/E ĐC (lần)	38.7	37.0	29.7
P/B (lần)	7.56	6.59	5.67
Lợi suất cổ tức (%)	2.07	0.76	0.91

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2024: LNTT tăng trưởng khiêm tốn, sát với dự báo

- CTR công bố KQKD sơ bộ 9 tháng đầu năm 2024 với doanh thu đạt 9.141 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 484 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ). KQKD này sát với dự báo và bằng lần lượt 68% và 72% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.
- Trong Q3/2024, doanh thu và LNTT đạt lần lượt 3,5 nghìn tỷ đồng (tăng 12% so với cùng kỳ) và 178 tỷ đồng (tăng 1% so với cùng kỳ). Trong tháng 9/2024, CTR đã bổ sung thêm 365 trạm BTS, nâng tổng số trạm BTS tính đến cuối tháng 9/2024 lên 8.812 trạm và đang trên đà đạt 10.000 trạm vào cuối năm.
- CTR sẽ là đơn vị hưởng lợi chính từ việc thương mại hóa mạng 5G tại Việt Nam, bắt đầu từ ngày 15/10 với việc Viettel chính thức khai trương mạng 5G. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với CTR với giá mục tiêu 145.000đ (tiềm năng tăng giá 10%).

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024

Trong tháng 9/2024, doanh thu của CTR tăng 13% so với cùng kỳ đạt 1.206 tỷ đồng và LNTT tăng khiêm tốn 1,5% so với cùng kỳ đạt 61 tỷ đồng. Trong Q3/2024 và 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu tăng 12% so với cùng kỳ và LNTT tăng khiêm tốn lần lượt 1% và 4% so với cùng kỳ. KQKD 9 tháng đầu năm 2024 bằng lần lượt 68% và 72% dự báo doanh thu và LNTT cho cả năm 2024 của HSC.

Tỷ suất LNTT đã giảm xuống mức 5,1% trong Q3/2024 và 5,3% trong 9 tháng đầu năm 2024, thấp hơn mức 5,7% trong Q3/2023 và 9 tháng đầu năm 2023. Chúng tôi cho rằng sự sụt giảm LNTT trong năm nay là do chi phí khấu hao tăng (từ các trạm BTS mới chưa tạo ra doanh thu) và chi phí tài chính tăng (chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá).

Hầu hết các mảng kinh doanh đều tăng trưởng tích cực, dẫn đầu là mảng cho thuê hạ tầng

Trong Q3/2024 và 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu hầu hết các mảng đều tăng trưởng tích cực. Cụ thể như sau:

- Doanh thu mảng vận hành mạng lưới tăng 14% so với cùng kỳ trong Q3/2024 (đạt 1.586 tỷ đồng), và tăng 6% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2024 (đạt 4.466 tỷ đồng).
- Doanh thu mảng xây dựng tăng nhẹ 4% so với cùng kỳ trong Q3/2024 (đạt 1.188 tỷ đồng) nhưng vẫn ghi nhận mức tăng trưởng vững chắc 22% so với cùng kỳ (đạt 2.919 tỷ đồng) trong 9 tháng đầu năm 2024, dẫn dắt bởi mảng xây dựng dân dụng. HSC được biết các hoạt động xây dựng đã phần nào bị ảnh hưởng trong tháng 9/2024 do ảnh hưởng của bão Yagi đổ bộ vào Việt Nam đầu tháng 9.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 và 9 tháng đầu năm 2024, CTR

LNTT Q3/2024 tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ lên 178 tỷ đồng

Tỷ đồng	T9-24	So với cùng kỳ	Q3/24	So với cùng kỳ	9T24	So với cùng kỳ	% kế hoạch
Doanh thu	1,206	12.9%	3,490	12.3%	9,141	11.5%	68.3%
LNTT	61	1.5%	178	1.3%	484	3.6%	71.8%
TS LNTT	5.0%		5.1%		5.3%		

Nguồn: CTR, HSC

Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng mảng xây dựng sẽ tăng tốc trong Q4/2024 ở cả phân khúc hạ tầng viễn thông (lắp đặt thiết bị 5G trên các trạm BTS hiện hữu) lẫn xây dựng dân dụng.

- Doanh thu mảng cho thuê hạ tầng tăng mạnh 51% so với cùng kỳ trong Q3/2024 (đạt 166 tỷ đồng) và tăng 43% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2024 (đạt 449 tỷ đồng). Trong tháng 9/2024, CTR đã bổ sung thêm 365 trạm BTS, nâng tổng số trạm lên 8.812 trạm tại thời điểm cuối tháng 9 (tăng 2.376 trạm so với thời điểm cuối năm 2023).

Chỉ riêng trong Q3/2024, CTR đã bổ sung thêm 1.003 trạm BTS mới, tốc độ triển khai chậm hơn một chút so với Q2/2024 (bổ sung 1.220 trạm BTS mới) cũng do ảnh hưởng của bão Yagi. HSC kỳ vọng CTR sẽ đẩy nhanh việc xây dựng trạm BTS trong Q4/2024 và đạt 10.000 trạm BTS tại thời điểm cuối năm 2024. Tại thời điểm cuối Q3/2024, tỷ lệ dùng chung trạm vẫn ở mức 1,04, không thay đổi so với tháng 8/2024 nhưng cải thiện nhẹ so với mức 1,03 của các quý trước.

- Doanh thu từ mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật tăng 22% so với cùng kỳ trong Q3/2024 (đạt 538 tỷ đồng) và 29% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2024 (đạt 1.256 tỷ đồng), chủ yếu nhờ phân khúc năng lượng mặt trời (tăng 323% so với 9 tháng đầu năm 2023, đạt 275 tỷ đồng).

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC hiện giữ nguyên các dự báo. Theo đó, lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng 4% trong năm nay (đạt 539 tỷ đồng) sau đó tăng trưởng 24% trong các năm 2025 và 2026 (đạt lần lượt 670 tỷ đồng và 832 tỷ đồng).

Trong khi đó, EBITDA dự báo tăng trưởng 15% trong năm nay (đạt 1.014 tỷ đồng) sau đó tăng trưởng mạnh 48% trong năm 2025 (đạt 1.500 tỷ đồng) và tăng trưởng 32% trong năm 2026 (đạt 1.981 tỷ đồng) khi các khoản đầu tư vào mảng cho thuê hạ tầng bắt đầu mang lại lợi nhuận.

Theo dự báo hiện tại của chúng tôi, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh dự phóng cho năm 2024, 2025, 2026 lần lượt là 18,6 lần, 12,3 lần và 9,2 lần. Hai mức định giá sau đang thấp hơn so với các đối thủ nước ngoài nhờ vào mức tăng trưởng EBITDA mạnh mẽ của CTR. Lưu ý, HSC trừ quỹ khen thưởng và phúc lợi khỏi EBITDA để tính ra EBITDA điều chỉnh, nhằm đảm bảo sự so sánh hợp lý với các đối thủ nước ngoài.

HSC kỳ vọng việc thương mại hóa mạng 5G tại Việt Nam (được Viettel tiên phong triển khai và ra mắt vào ngày 15/10/2024) sẽ thúc đẩy nhu cầu về các trạm BTS 5G mới cũng như nhu cầu chia sẻ CSHT, và CTR sẽ là doanh nghiệp hưởng lợi chính với vai trò là doanh nghiệp hàng đầu trong mảng towerco tại Việt Nam. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 145.000đ (tiềm năng tăng giá 10%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, CTR

Doanh thu mảng cho thuê hạ tầng trong Q3/2024 tăng 51% so với cùng kỳ lên 166 tỷ đồng

Tỷ đồng	T9/24	% so với cùng kỳ	Q3/24	% so với cùng kỳ	9T23	9T24	% so với cùng kỳ
Tổng doanh thu	1,206	14.4%	3,490	13.2%	8,187	9,141	11.7%
Vận hành	535	10.3%	1,586	14.4%	4,210	4,466	6.1%
Xây dựng	424	-7.5%	1,188	3.6%	2,397	2,919	21.8%
Giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật	181	149.6%	538	22.4%	972	1,256	29.3%
Cho thuê hạ tầng	58	53.2%	166	51.3%	313	449	43.4%

Nguồn: CTR

Bảng 3: Số trạm BTS, CTR

Trong tháng 9/2024, CTR đã bổ sung thêm 365 trạm BTS, tổng số trạm BTS trong Q3/2024 đạt 1.003 trạm, nâng tổng số trạm BTS lên 8.812 vào cuối Q3/2024

	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng số lượng trạm BTS	6,589	7,809	8,812
Số lượng trạm BTS mới	153	1,220	1,003
Tổng số lượng trạm BTS mới từ đầu năm	153	1,373	2,376
Số trạm dùng chung	226	255	335
Tỷ lệ dùng chung trạm	1.03	1.03	1.04

Nguồn: CTR

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)					
Doanh thu	9,467	11,299	13,389	15,507	17,809
Lợi nhuận gộp	757	886	1,023	1,259	1,538
Chi phí BH&QL	(189)	(249)	(295)	(342)	(392)
Thu nhập khác	1.10	2.82	0	0	0
Chi phí khác	(1.26)	(4.96)	(5.88)	(6.81)	(7.82)
EBIT	567	635	723	911	1,138
Lãi vay thuần	2.96	10.7	(48.8)	(72.9)	(98.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	570	645	674	838	1,040
Chi phí thuế TNDN	(113)	(129)	(135)	(168)	(208)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.03	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	457	517	539	670	832
Lợi nhuận thuần ĐC	390	389	407	506	628
EBITDA ĐC	774	893	1,050	1,530	2,011
EPS (đồng)	3,411	3,401	3,558	4,425	5,490
EPS ĐC (đồng)	3,411	3,401	3,558	4,425	5,490
DPS (đồng)	2,919	2,720	1,000	1,200	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)					
Tiền & tương đương tiền	414	818	89.3	(22.7)	(7.03)
Đầu tư ngắn hạn	1,222	1,000	803	620	712
Phải thu khách hàng	2,472	2,945	3,481	3,954	4,452
Hàng tồn kho	819	783	1,071	1,163	1,247
Các tài sản ngắn hạn khác	84.5	81.1	93.7	101	107
Tổng tài sản ngắn hạn	5,010	5,627	5,539	5,816	6,511
TSCĐ hữu hình	374	285	186	85.3	(18.7)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	563	829	2,220	3,322	3,374
Đầu tư dài hạn	93.6	152	152	152	152
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	19.6	35.7	42.2	48.9	56.2
Tổng tài sản dài hạn	1,050	1,302	2,601	3,609	3,564
Tổng cộng tài sản	6,060	6,929	8,139	9,425	10,075
Nợ ngắn hạn	1,197	1,191	1,339	1,551	1,425
Phải trả người bán	519	594	723	853	997
Nợ ngắn hạn khác	1,916	1,926	1,896	1,896	1,896
Tổng nợ ngắn hạn	4,140	4,541	4,910	5,375	5,528
Nợ dài hạn	269	383	946	1,397	1,438
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.2	14.7	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	283	398	946	1,397	1,438
Tổng nợ phải trả	4,423	4,938	5,856	6,772	6,966
Vốn chủ sở hữu	1,637	1,991	2,283	2,652	3,109
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.05	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,637	1,991	2,283	2,652	3,109
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,060	6,929	8,139	9,425	10,075
BVPS (đ)	14,312	17,404	19,961	23,186	27,176
Nợ thuần*/(tiền mặt)	1,052	756	2,196	2,971	2,869

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)					
EBIT	567	635	723	911	1,138
Khấu hao	(206)	(258)	(328)	(619)	(873)
Lãi vay thuần	2.96	10.7	(48.8)	(72.9)	(98.4)
Thuế TNDN đã nộp	(108)	(57.7)	(135)	(168)	(208)
Thay đổi vốn lưu động	(538)	(200)	(573)	(311)	(302)
Khác	(7.05)	127	31.0	17.3	(299)
LCT thuần từ HKKD	72.2	575	315	989	1,100
Đầu tư TS dài hạn	(407)	(483)	(1,620)	(1,620)	(820)
Góp vốn & đầu tư	(1,652)	(1,549)	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	539	1,874	(6.59)	(6.68)	(7.26)
LCT thuần từ HĐĐT	(1,520)	(159)	(1,627)	(1,627)	(827)
Cổ tức trả cho CSH	(91.9)	(120)	(114)	(137)	(172)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,285	108	712	663	(85.4)
Khác	0	0	(14.7)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,194	(11.8)	583	525	(257)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	668	414	818	89.3	(22.7)
LCT thuần trong kỳ	(254)	404	(729)	(112)	15.7
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.12)	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	414	818	89.3	(22.7)	(7.03)
Dòng tiền tự do	(334)	91.1	(1,305)	(631)	280

Các chỉ số tài chính					
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.99	7.84	7.64	8.12	8.64
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.17	7.90	7.84	9.86	11.3
Tỷ suất LNT (%)	4.83	4.57	4.03	4.32	4.67
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.9	20.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.1	19.4	18.5	15.8	14.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	15.4	17.6	45.6	31.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng EPS (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.7	(0.29)	4.61	24.4	24.1
Tăng trưởng DPS (%)	192	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	85.6	80.0	28.1	27.1	27.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	31.0	28.5	25.2	27.2	28.9
ROACE (%)	33.4	29.5	25.7	25.0	26.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.89	1.74	1.78	1.77	1.83
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.13	0.91	0.44	1.09	0.97
Số ngày tồn kho	34.3	27.5	31.6	29.8	28.0
Số ngày phải thu	104	103	103	101	99.9
Số ngày phải trả	21.7	20.8	21.3	21.8	22.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	89.0	71.2	130	146	126
Nợ/tài sản (%)	30.9	32.2	37.7	40.9	38.8
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	14.8	12.5	11.6
Nợ/EBITDA (lần)	2.42	2.50	2.92	2.52	1.94
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.21	1.24	1.13	1.08	1.18
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.57	1.31	1.23	1.12	0.97
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.2	16.6	15.6	11.4	8.55
P/E (lần)	38.6	38.7	37.0	29.7	24.0
P/E ĐC (lần)	38.6	38.7	37.0	29.7	24.0
P/B (lần)	9.19	7.56	6.59	5.67	4.84
Lợi suất cổ tức (%)	2.22	2.07	0.76	0.91	1.14

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn